

Số: 201/2025/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Ngọc

Thư ký phiên họp: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 295/2025/TLST-VLĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 295/2025/QĐST-LĐ ngày 15 tháng 9 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1974; thường trú: A đường N, khu phố T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Hoàng Thị Thu H1, sinh năm 1968; trú tại: E T, phường Đ, Thành phố T, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội cơ sở D; địa chỉ: Đường T, Khu T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Công ty TNHH B (Việt Nam); trụ sở: Số B đường Đ, khu công nghiệp S, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu và lời khai trong quá trình giải quyết người yêu cầu - bà Trịnh Thị H trình bày:

Hiện nay bà H có nhu cầu rút bảo hiểm xã hội nên đã liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để làm thủ tục. Cơ quan Bảo hiểm thông báo rằng trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2001 đến tháng 5 năm 2010, bà H có đứng tên ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH B, đồng thời công ty này cũng đã đóng bảo hiểm xã hội cho bà H trong giai đoạn đó. Tuy nhiên, trên

thực tế cùng khoảng thời gian này, bà H đang làm việc cho một công ty khác và cũng được tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại đó. Như vậy, cùng một thời điểm bà H lại bị

đóng bảo hiểm tại hai công ty, dẫn đến việc bà H không thể rút bảo hiểm xã hội đúng quy định. Trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2001 đến tháng 5 năm 2010, bà Hoàng Thị Thu H1 có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Trịnh Thị H để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH B. Thực tế, người trực tiếp ký hợp đồng, làm công nhân và tham gia bảo hiểm xã hội tại công ty này là bà Hoàng Thị Thu H1, chứ không phải bà H. Do thời điểm đó bà H1 chưa có giấy tờ tùy thân nên đã mượn giấy tờ của bà H để ký hợp đồng. Đến nay, hợp đồng lao động ký từ tháng 10 năm 2001 đến tháng 5 năm 2010 giữa bà Hoàng Thị Thu H1 và Công ty TNHH B đã thất lạc, nên bà H không thể cung cấp cho Tòa án.

Nhận thấy việc bà Hoàng Thị Thu H1 sử dụng giấy tờ của bà H để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH B là trái quy định pháp luật, vi phạm nguyên tắc trung thực, đồng thời ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét, tuyên bố hợp đồng lao động nói trên là vô hiệu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Hoàng Thị Thu H1 trình bày:

Bà H1 và bà Trịnh Thị H là chị em họ, vào khoảng năm 2001 bà H1 từ quê vào tỉnh Bình Dương kiếm việc làm nhưng lúc đó tìm việc rất khó và phải có yêu cầu hộ khẩu tại tỉnh Bình Dương nên bà H1 có mượn chứng minh nhân dân bà Trịnh Thị H để làm việc tại Công ty TNHH B (Việt Nam) từ tháng 10 năm 2001 đến tháng 5 năm 2010. Bà H1 thống nhất theo yêu cầu của bà Trịnh Thị H.

Do bà H1 bận công việc nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng đối chất, xét xử sơ thẩm hoặc phúc thẩm (nếu có).....

Ông Dương Văn T là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở D (viết tắt là BHXH) trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của bà Trịnh Thị H có mã số BHXH: 9740863035, cơ quan BHXH Thành phố đã cấp thẻ BHYT, BHTN cho bà Trịnh Thị H tại Công ty TNHH B, có quá trình tham gia BHXH từ tháng 10/2001 đến tháng 5/2010 đã chốt sổ và đã nhận trợ cấp BHXH một lần.

Qua kiểm tra dữ liệu, bà Trịnh Thị H có mã số BHXH 9198016016 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 09/1997 đến tháng 05/2001 tại Trường Tiểu học D1. Như vậy, về cơ bản, có sự mâu thuẫn giữa bà Trịnh Thị H và Công ty TNHH B. Bà H khẳng định mình không làm việc tại Công ty TNHH B để ký hợp đồng lao động với hiệu lực từ tháng 10/2001 đến tháng 05/2010. Căn cứ tại Điều 9, Điều 11 của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu. Công ty TNHH B đã có hành vi mượn hồ sơ hay giả mạo hồ sơ, tuyên bố hợp đồng lao động với người lao động để giao kết hợp đồng lao động là không có. Vì vậy hợp đồng lao động này là vô hiệu. Đối với việc hợp đồng lao động vô hiệu hay không, cơ quan BHXH không có ý kiến.

Do bận công việc nên đề nghị được giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH B:* Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị H2, không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết việc lao động.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Trịnh Thị H là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trịnh Thị H, bà Hoàng Thị Thu H1 và bảo hiểm xã hội cơ sở D có yêu cầu giải quyết vắng mặt; Công ty TNHH B vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong thời gian từ tháng 10/2001 đến tháng 5/2010, người lao động tên Trịnh Thị H giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH B và được Công ty TNHH B tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số 9101038159. Tuy nhiên trong thời gian này bà Hoàng Thị Thu H1 tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH B từ tháng 10/2001 đến tháng 5/2010.

[2.2] Xét thấy, lời khai của bà H và Công ty TNHH B với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở D. Bởi lẽ, trong cùng một khoảng thời gian từ tháng 10/2001 đến tháng 5/2010 bà H có cùng 02 mã số bảo hiểm xã hội khác nhau.

Thực tế đối tượng lao động và đối tượng ký kết hợp đồng tại Công ty TNHH B từ tháng 10/2001 đến tháng 5/2010 một người khác chứ không phải là bà Trịnh Thị H, trường hợp này là vi phạm nguyên tắc “trung thực” quy định tại Điều 9 Bộ luật lao động năm 1994 (khoản 1 Điều 15 Bộ luật lao động năm 2019), do đó căn cứ Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015) đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trịnh Thị H.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Trịnh Thị H về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trịnh Thị H với Công ty TNHH B theo số bảo hiểm xã hội số 9101038159 bị vô hiệu.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Trịnh Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9 Bộ luật lao động năm 1994 (khoản 1 Điều 15 Bộ luật lao động năm 2019).

- Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015).

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Trịnh Thị H.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trịnh Thị H với Công ty TNHH B (theo sổ bảo hiểm xã hội số 9101038159) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 9101038159 không phải là bà Trịnh Thị H, sinh năm 1974, giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 038174033144.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Trịnh Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0013035 ngày 03/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16 – TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Lê Thị Ngọc